TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 75/2024/HSST
Ngày: 16-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa; ông Phan Tấn Lãm**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Bà Thân Thị Hồng Ninh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2024/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐ–XX ngày 29 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bế Văn A**; tên gọi khác: Kèn, sinh năm 1984; tại: Lạng Sơn; cư trú: thôn 9, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn B, sinh năm 1957 và bà Hà Thị C, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là bà Hoàng Thị D, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 05 tháng 3 năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tuyên phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 10/2021/HS-ST. Ngày 07 tháng 9 năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2021/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021, buộc bị cáo phải chấp hành chung hai Bản án là 02 năm 03 tháng tù, theo Bản án số 40/2022/HS-ST. Đến ngày 29 tháng 02 năm 2024, bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa xóa án tích; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: **Ông Nguyễn Sỹ Đ** – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

Bị hại: **Bà Âu Thị E,** sinh năm: 1975; **ông Đàm Văn F**, sinh năm 1972; cư trú: thôn 4, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Bế Thị G, sinh năm: 1979; cư trú: thôn 7, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Ông Bế Văn B, sinh năm: 1957; cư trú: thôn 7, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Người làm chứng:

Bà Lê Thị I sinh năm: 1982; cư trú: thôn 9, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Ông Phạm Quang K, sinh năm: 1971; cư trú: thôn ĐL, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1973; cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân nên trưa ngày 13 tháng 4 năm 2024, Bế Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61H2-6054 đi tìm ai để tài sản sơ hở sẽ lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài. Đến 12 giờ ngày 30 phút cùng ngày, khi đi đến vườn điều của bà Âu Thị E ở thôn 4, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, A phát hiện chòi của bà E không khóa cửa, không có người trông coi nên A dựng xe ở ngoài và đi vào trong chòi thì phát hiện 02 bao hạt điều để bên cạnh tủ, A liền dùng hai tay bê 01 bao hạt điều ra để ở trước xe mô tô biển kiểm soát 61H2-6054, sau đó chở đến bán cho bà Lê Thị I ở thôn 9, xã ĐƠ được số tiền 500.000 đồng (*A và bà I cân bao hạt điều có trọng lượng 25,6kg*), số tiền này A tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 27 tháng 8 năm 2024, bà E đã làm đơn trình báo gửi Công an xã ĐƠ, cùng ngày A đã đến Công an xã ĐƠ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập xác định 25,6kg hạt điều khô nguyên vỏ tại thời điểm ngày 13 tháng 4 năm 2024 là 499.200 đồng.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 7845/KLGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Về y học: Trước, trong và sau khi gây án cho đến hiện tại, đối tượng Bế Văn A bị chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (*F70-ICD10*).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi gây án cho đến hiện tại, đối tượng Bế Văn A hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Nguyên nhân gây bệnh là do bệnh lý nội sinh, không phải do sử dụng chất kích thích, không cần áp dụng biện pháp điều trị bắt buộc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 61H2-6054 từ A; 01 mẫu giấy tập học sinh, có kẻ ô vuông bên trong có ghi bút bi màu xanh với nội dung "13/4/2024, 25,6kg = 500 ngàn" từ bà I; dữ liệu điện tử trích xuất từ camera của gia đình bà Âu Thị E thời gian từ 12 giờ 32 phút đến 12 giờ 37 phút ngày 13 tháng 4 năm 2024.

- Đối với 25,6kg, bà Lê Thị I đã bán cho Cơ sở thu mua hạt điều nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà E số tiền 500.000 đồng, bà E đã làm đơn bãi nại và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số: 66/CTr-VKSBGM ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo A về tội "*trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, Xử phạt bị cáo A từ 09 - 12 tháng tù.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là ông Nguyễn Sỹ Đ bào chữa cho bị cáo cũng thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo về tội "*trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, về hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như, bị cáo là người dân tộc thiểu số; sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên cho bị cáo một mức án thấp nhất là 09 tháng tù.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng số 66/CTr-VKSBGM ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản tiếp nhận người ra đầu thú; Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân, nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13 tháng 4 năm 2024 bị cáo A đã lén lút chiếm đoạt 25,6kg hạt điều khô nguyên vỏ của bà E ở tại thôn 4, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 499.200 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội "*trộm cắp tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo biết được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo đã lén lút trộm cắp 25,6 kg hạt điều khô để bán lấy tiền tiêu xài. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt chưa đủ định lượng để chịu trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo là người đã có 02 tiền án, cụ thể là ngày 05 tháng 3 năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tuyên phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 10/2021/HS-ST. Ngày 07 tháng 9 năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2021/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021, buộc bị cáo phải chấp hành chung hai Bản án là 02 năm 03 tháng tù, theo Bản án số 40/2022/HS-ST chưa xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lần này tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội "*trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã A khẩn khai báo; vận động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức; sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú; là dân tộc thiểu số; sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61H2-6054 mà bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội là tài sản của bà G cho bị cáo mượn để đi công việc. Quá trình mượn xe, bị cáo đã dùng phương tiện này để trộm cắp tài sản nhưng bà G không biết. Vì vậy, cần trả xe mô tô nói trên cho bà G.

Đối với 01 mẫu giấy tập học sinh, có kẻ ô vuông bên trong có ghi bút bi màu xanh với nội dung "*13/4/2024, 25,6kg = 500 ngàn*" thu giữ từ bà I; dữ liệu điện tử trích xuất từ camera của gia đình bà E thời gian từ 12 giờ 32 phút đến 12 giờ 37 phút ngày 13 tháng 4 năm 2024, đây là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 25,6kg hạt điều khô mà bà I mua của bị cáo thì bà đã bán lại cho Cơ sở thu mua hạt điều nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà E số tiền 500.000 đồng, bà E đã làm đơn bãi nại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 500.000 đồng mà ông B là bố của bị cáo đã bỏ ra bồi thường cho người bị hại, quá trình điều tra ông B không có yêu cầu bị cáo phải trả lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xem xét.

[8] Đối với bà I là người mua 25,6kg hạt điều khô của bị cáo, tuy nhiên bà I không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xem xét.

[9] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa, Hội đồng xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

[10] Đối với lời bào chữa và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý đối với bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo **Bế Văn A** (*tên gọi khác: Kèn)* phạm tội "***trộm cắp tài sản***".

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bế Văn A **09** (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 27 tháng 8 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả cho bà Bế Thị G 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61H2-6054.

(*Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008924, quyển số 0179, ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập*).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ; Văn thư;
- Phát hành tổng (18 Bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VĂN PHÚ VINH